TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94/2022/QĐST-HNGĐ	*Thới Bình, ngày 18 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2022/TLST –VHNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Phạm Hồng N, sinh năm 1983;
2. Anh Lê Đình V, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: chị N và anh V tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vả, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị N và anh V thống nhất thỏa thuận ly hôn và yêu cầu Tòa án chấp nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Thời gian chung sống anh chị có 03 con chung tên Lê Như Ý sinh ngày 11/02/2003, Lê Phạm Như Ngọc sinh ngày 10/5/2018 và Lê Phạm Khả Vy sinh ngày 08/01/2020. Hiện cháu Ý đã trưởng thành, quá trình thỏa thuận chị N và anh V thống nhất giao cháu Ngọc và cháu Vy cho anh V nuôi dạy nên yêu cầu Tòa án công nhận cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 149

của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N và anh V mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10/11/2022, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Phạm Hồng N và anh Lê Đình V thuận tình ly hôn.

Về con chung: chị N và anh V tự nguyện thỏa thuận giao các Lê Như Ý - sinh ngày 11/02/2003, Lê Phạm Như Ngọc - sinh ngày 10/5/2018 cho anh V được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình: chị N và anh V mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng. Ngày 10/11/2022, chị N và anh V mỗi người có dự nộp 150.000 đồng theo biên lai số 0003139 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình nay được đối trừ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Huỳnh Phạm Lan Chi